



Tuần GD: 13/1/2025 - 17/1/2025

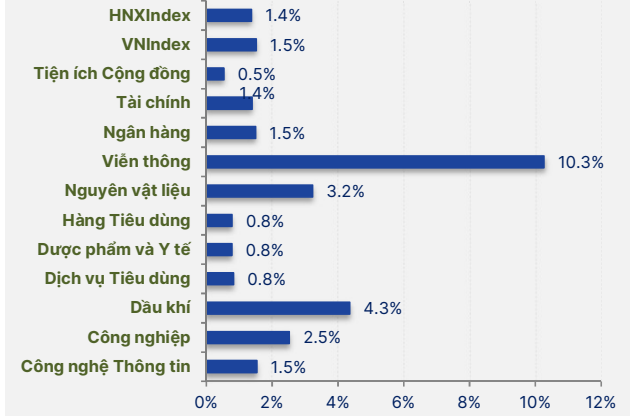
Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thống kê thị trường				
Index	1,249.11	↑ 1.5%	222.48	↑ 1.4%
KLGD (trCP)	2,146.33	↓ -3.8%	237.98	↑ 3.4%
GTGD (tỷ VND)	54,563.69	↓ -2.1%	3,615.40	↓ -7.2%

Top Giao dịch NĐTNN HOSE (Tỷ đồng)

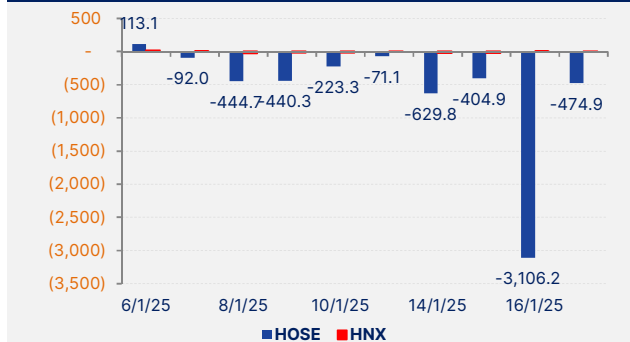
-197,948.9	CTG	PVT	21,778.7
-218,955.5	SSI	YEG	23,329.0
-351,238.7	STB	VGC	55,622.5
-798,621.0	FPT	HDB	82,909.1
-2,067,617.4	VIC	KBC	86,322.4

GT Bán: -10,401.97 **GT Mua:** 5,715.13

Biến động giá Ngành theo Tuần



Giá trị giao dịch mua/bán ròng của NĐTNN (tỷ VND)



Phân Tích Kỹ Thuật VN-INDEX



DIỄN BIẾN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

Sau tuần giảm điểm khá đột biến, VN-INDEX trong tuần này tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh về vùng hỗ trợ 1.220 điểm, sau đó có 03 phiên cuối tuần phục hồi tốt với thanh khoản cải thiện dần, tích cực. Kết tuần VN-INDEX tăng 1,51% lên mức 1.249,11 điểm. Diễn biến khá tích cực khi nhiều mã, nhóm mã tăng giá tốt, vượt vùng giá đỉnh tuần trước. VN30 cũng tăng 1,57% lên mức 1.313,48 điểm, vượt lên lại vùng kháng cự mạnh, tâm lý quan trọng quanh 1.305 điểm, tương ứng giá trung bình 200 phiên.

Độ rộng thị trường phục hồi khá tích cực, nổi bật ở nhóm Logistic, công nghệ- viễn thông khi nhiều mã vẫn vượt đỉnh với thanh khoản đột biến. Phục hồi tích cực với lực cầu giá lên, dòng tiền cải thiện ở nhiều nhóm mã như đầu tư công; xây dựng, vật liệu xây dựng; dầu khí, bất động sản khu công nghiệp... Trong khi khá kém tích cực ở nhóm ngân hàng, nhiều mã trong VN30 dưới áp lực bán ròng của khối ngoại. Khối ngoại tiếp tục bán ròng đột biến trên HOSE với giá trị -4.686,8 tỷ đồng trong tuần này.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2501 đã đáo hạn. Thị trường chuyển sang giao dịch trên kỳ hạn chính VN30F2502. Kết phiên VN30F2502 tăng 1,98%, đóng cửa tại 1.320,8 điểm, chênh lệch +7,32 điểm so với VN30. Các kỳ hạn xa hơn VN30F2503, VN30F2506, VN30F2509 chênh lệch từ +10,62 điểm đến +16,42 điểm so với VN30, mức chênh lệch mở rộng, thể hiện tâm lý khá tích cực. Tổng hợp đồng giao dịch tăng 2,5% so với tuần trước, dưới mức trung bình. VN30F2502 đang hướng đến vùng kháng cự 1.323 điểm, tương ứng giá trung bình 20 phiên, tương đồng với VN30 sẽ là vùng 1.320 điểm.

Xu hướng ngắn hạn VN-INDEX sau giai đoạn suy giảm đang nỗ lực phục hồi kiểm tra lại các vùng kháng cự mạnh 1.250 điểm -1.260 điểm, tương ứng vùng giá cao nhất năm 2023 và giá trung bình 200 phiên. Xu hướng ngắn hạn VN-INDEX cải thiện khi vượt lên lại kháng cự này. Xu hướng trung hạn tiếp tục xu hướng tích lũy kéo dài từ 2024 đến nay trong vùng 1.200 điểm - 1.300 điểm. Trong khi đó VN30 đang cải thiện xu hướng khi vượt lên vùng giá giá trung bình 200 phiên, nhưng khối lượng giao dịch vẫn kém tích cực.

Trong tuần qua, Trung tâm Phân tích SHS đã công bố Báo cáo Chiến lược năm 2025. Đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, thị trường chung, nhóm ngành, doanh nghiệp trong năm 2024 và rủi ro, triển vọng đầu tư trong năm 2025. Với những phân tích độc lập, cẩn trọng, kỳ vọng sẽ cung cấp nhiều thông tin, luận điểm đầu tư trong thời gian đến cho nhà đầu tư. Hiện tại thị trường chung vẫn duy trì quá trình tích lũy từ đầu năm 2024 đến nay. Tổng vốn hóa toàn thị trường hiện tại khoảng 285 tỉ USD, chúng tôi cho rằng đây vùng vốn hóa tương đối hợp lý. Thị trường phân hóa tốt dựa trên định giá, triển vọng của doanh nghiệp. Nhiều mã ở vùng giá tương đối hấp dẫn so với nội tại doanh nghiệp và triển vọng tăng trưởng trung dài hạn.

Nhà đầu tư duy trì tỉ trọng hợp lý. Mục tiêu đầu tư hướng tới các mã có nền tảng cơ bản tốt, đầu ngành trong các ngành chiến lược, tăng trưởng vượt trội của nền kinh tế.

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
VLB	41.18	36-37	42-44	34.0	9.1	44.0%	147.6%	Theo dõi giải ngân
KHP	14.30	11.5-12.5	15.5-16	11	4.2	11.5%	268.1%	Theo dõi giải ngân
PVD	23.30	22-23	27-27.5	21	19.2	76.5%	20.7%	Theo dõi giải ngân
BVH	52.20	46-48	56-58	44	20.3	0.2%	23.7%	Theo dõi giải ngân
CNG	30.95	29-30	36-37	28	9.9	25.9%	-7.6%	Theo dõi giải ngân
BVS	34.80	30-32	36-37	29	13.2	-12.5%	-2.5%	Theo dõi giải ngân
CTD	74.00	67-68.5	82-84	65	22.0	15.4%	39.5%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

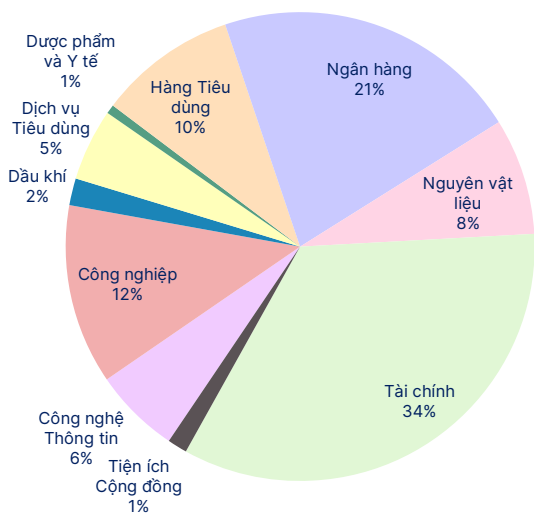
Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
17/6/2024	CLX	16.36	16.8	26-28	15.5	-2.6%	Nằm giữ
18/7/2024	DPM	34.30	33.2	40-41	35	3.3%	Nằm giữ

TIN NỔI BẬT

<p>Thủ tướng Ba Lan: Sẽ sớm phê chuẩn EVIPA, ủng hộ EC gỡ thẻ vàng với Việt Nam</p>	<p>Thủ tướng Phạm Minh Chính và Thủ tướng Ba Lan Donald Tusk nhất trí đẩy mạnh hợp tác, sớm nâng tầm quan hệ chiến lược. Ba Lan cam kết phê chuẩn EVIPA, ủng hộ gỡ "Thẻ vàng" hải sản, thúc đẩy hợp tác các lĩnh vực như thương mại, năng lượng, chuyển đổi số, và giáo dục.</p> <p>Kim ngạch thương mại song phương năm 2024 đạt trên 3 tỷ USD. Ba Lan đầu tư 32 dự án vào Việt Nam với 473 triệu USD. Thủ tướng Phạm Minh Chính mong cộng đồng người Việt tại Ba Lan được công nhận là dân tộc thiểu số.</p>
<p>Cách tính chính sách, chế độ với người nghỉ hưu trước tuổi khi tinh gọn bộ máy</p>	<p>Ngày 17/1, Bộ Nội vụ ban hành Thông tư 01/2025 hướng dẫn chính sách cho người nghỉ hưu trước tuổi khi sắp xếp tổ chức bộ máy chính trị, thực hiện Nghị định 178/2024.</p> <p>Thông tư quy định chi tiết cách tính trợ cấp dựa trên thời điểm nghỉ hưu, số tháng và năm nghỉ sớm, cùng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội. Người nghỉ hưu trong 12 tháng đầu hưởng mức trợ cấp cao hơn so với người nghỉ từ tháng thứ 13 trở đi. Các trợ cấp gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trợ cấp hưu trí một lần tính theo số tháng nghỉ sớm. 2. Trợ cấp cho số năm nghỉ sớm, mỗi năm hưởng từ 4-5 tháng lương hiện hưởng. 3. Trợ cấp thời gian công tác có đóng BHXH, 5 tháng lương cho 20 năm đầu, 0,5 tháng lương/năm từ năm thứ 21. <p>Chính sách có hiệu lực từ 1/1/2025, mọi vướng mắc trong thực hiện sẽ được Bộ Nội vụ hỗ trợ giải quyết.</p>
<p>Lọc hoá dầu Bình Sơn tiếp tục lỗ lớn quý cuối năm 2024</p>	<p>Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) lỗ lớn quý IV/2024, khiến lợi nhuận cả năm giảm 96% còn 337 tỷ đồng, do bảo dưỡng nhà máy và biên lọc dầu giảm. Tuy nhiên, biên lợi nhuận đang phục hồi, BSR đặt mục tiêu tăng sản lượng 15% và lợi nhuận trước thuế đạt 837 tỷ đồng năm 2025.</p> <p>Ngày 17/1, BSR niêm yết trên HOSE với giá tham chiếu 21.300 đồng/cổ phiếu, kỳ vọng gia nhập VN30. Công ty lên kế hoạch tăng vốn lên 50.000 tỷ đồng để mở rộng Nhà máy Dung Quất, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế.</p>
<p>Chính thức chuyển giao bắt buộc GPBank cho VPBank và DongABank cho HDBank</p>	<p>Ngày 17/1, NHNN công bố chuyển giao bắt buộc GPBank cho VPBank và DongABank cho HDBank nhằm khôi phục hoạt động, khắc phục lỗ lũy kế và đảm bảo an toàn hệ thống. Sau chuyển giao, hai ngân hàng sẽ thuộc sở hữu 100% của VPBank và HDBank, quyền lợi khách hàng vẫn được đảm bảo.</p> <p>VPBank hỗ trợ vốn và tái cấu trúc GPBank, giữ như ngân hàng con hoặc chuyển nhượng sau tái cơ cấu. HDBank cam kết phục hồi hoạt động DongABank qua 3 giai đoạn. Trước đó, NHNN đã chuyển giao CBBank và OceanBank cho Vietcombank và MB (10/2024).</p>
<p>LPBank nộp bổ sung thuế hơn 13 tỷ đồng</p>	<p>LPBank (HOSE: LPB) vừa nhận quyết định từ Tổng cục Thuế nộp phạt và bổ sung hơn 13 tỷ đồng do khai thiếu thuế. Tuy nhiên, ngân hàng ghi nhận kết quả kinh doanh vượt kế hoạch năm 2024.</p> <p>Cụ thể, lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 12,168 tỷ đồng, tăng 73% so với năm 2023 và vượt 16% mục tiêu đề ra (10,500 tỷ đồng). Đây là lần đầu tiên LPBank gia nhập nhóm doanh nghiệp có lợi nhuận trên 10,000 tỷ đồng, mức cao nhất trong lịch sử. Kết quả này nhờ tăng trưởng tín dụng hơn 20%, tập trung các lĩnh vực ưu tiên.</p> <p>Giá cổ phiếu LPB tăng mạnh trong năm 2024, kết thúc ở mức 31,300 đồng/cp, gấp 2.3 lần cuối năm 2023, trở thành cổ phiếu ngân hàng tăng giá mạnh nhất năm.</p>

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TUẦN VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



P/E và Thị Trường



Top Vốn hóa

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	518,109	19.4%	6,194	15.0	2.7
BID	271,762	17.8%	3,393	11.6	1.6
FPT	215,512	23.1%	5,119	28.6	6.1
CTG	197,616	16.2%	4,035	9.1	1.4
TCB	168,497	16.4%	3,206	7.4	1.2

Top KLGD lớn nhất

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	76,889,788	25.7%	3,728	5.8	1.2
VIC	69,487,174	6.0%	2,464	16.4	1.0
VIX	65,441,320	6.9%	814	11.6	0.9
HPG	63,608,164	11.4%	1,905	13.8	1.5
KBC	62,050,021	2.1%	549	54.4	1.1

Top 5 cổ phiếu tăng giá

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CTI	↑ 16.84%	7.0%	1,875	10.9	0.9
TYA	↑ 16.67%	11.1%	1,815	8.1	0.9
VRC	↑ 15.60%	0.0%	12	1,041	0.5
HRC	↑ 13.75%	3.5%	640	60.6	2.1
KHP	↑ 13.04%	28.4%	3,362	4.1	1.1

Top 5 cổ phiếu giảm giá

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
STG	↓ -12.65%	7.8%	1,834	21.7	1.7
CKG	↓ -11.26%	9.6%	1,419	13.7	1.3
HAP	↓ -11.20%	1.1%	119	36.6	0.4
DTA	↓ -10.47%	1.1%	124	29.5	0.3
PMG	↓ -9.02%	3.4%	465	17.2	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	3,826,024	25.7%	3,728	5.8	1.2
KBC	2,916,201	2.1%	549	54.4	1.1
YEG	1,547,701	5.0%	527	27.3	1.4
VGC	1,139,300	6.0%	1,312	37.3	2.2
VCG	945,220	7.4%	1,315	14.8	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài bán ròng

Mã	KL bán	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	-51,119,724	6.0%	2,464	16.4	1.0
STB	-9,961,187	18.0%	4,641	7.6	1.3
SSI	-8,991,221	12.2%	1,580	15.4	1.8
VPB	-5,798,500	9.4%	1,672	11.0	1.0
FPT	-5,455,456	23.1%	5,119	28.6	6.1

LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

Mã CK	Ngày thực hiện với Niêm yết Ngày GDKHQ với Cổ tức, thưởng, phát hành thêm & ĐHDCĐ	Loại Sự Kiện
TCO	20/01/2025	Giao dịch bổ sung - 12,609,622 CP
CGV	21/01/2025	Họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2025
KTL	21/01/2025	Họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2025
D17	23/01/2025	Hủy niêm yết cổ phiếu
S55	23/01/2025	Họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
KTW	23/01/2025	Hủy niêm yết cổ phiếu
QNT	23/01/2025	Họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
GMC	23/01/2025	Hủy niêm yết cổ phiếu
KBC	24/01/2025	Họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 lần 1
AIC	24/01/2025	Họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2025
AAS	24/01/2025	Họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
ANV	24/01/2025	Giao dịch bổ sung - 133,127,875 CP

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Vũ Tuấn Duy
duy.vt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn Metropolitan,
235 Đồng Khởi, Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Vĩnh Trung,
Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn